

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+MRM+TD2	7:25	0+7+13	0+0+0		0+5+17	0+0+0	CHUYEN 1 td5-MRM
2		P9+CI+RP3	7:25	19+1+0	0+0+0		17+0+5	0+0+0	
3		PVD1+BK10	9:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
4		PVD1+CTK3	9:25	10+12	0+0		0+22	0+0	
5		R40+ RC3+TD2+RC20	11:25	11+2+0	0+0+0		11+3+2	0+0+0	THÁO4 GHẾCHỞ TP
6		P10+PVD1+CNV	11:25	11+10+0	0+0+0		2+12+8	0+0+0	

Người viết
P2-mat

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - MRM - TD2	CREW: Linh - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

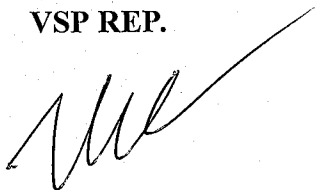
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHCHETININ IVAN	MRM	45-46	2	20		76	AMNGR	Russian
2	KUZNETSOV DENIS	MRM	48-49	2	20		79	AMNGR	Russian
3	TARANENKO ALEKSEI	MRM	47	1	8		120	AMNGR	Russian
4	TRẦN AN NHANH	MRM	50-52	3	20		61	HALLIBURTON	Vietnamese
5	PHAN DINH GIAP	MRM	44	1	6		84	PSV	Vietnamese
6	HUYNH TRONG PHUC	MRM	42	1	8		62	PSV	Vietnamese
7	HOANG XUAN CANH	MRM	43	1	9		70	PSV	Vietnamese
8	VŨ MẠNH THĂNG	TD2	51	1	4	100	77	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VAN CHINH	TD2					88	KHOAN	Vietnamese
10	BUI NGOC DUNG	TD2	50	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
11	NGO VAN BAC	TD2	40	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
12	DO VAN CUONG	TD2	42	1	9		79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN MINH HAI	TD2	41	1	9		79	KHOAN	Vietnamese
14	LE VIET CHIEN	TD2	46	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
15	LE XUAN HAI	TD2	45	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN THANG	TD2	52	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
17	TRUONG DUC MANH	TD2	47	1	10	12	77	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN LAM GIANG	TD2	48-49	2	14		78	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN DUC NGUYEN	TD2	43	1	9		59	KH-THAC	Vietnamese
20	VO VAN TUAN TU	TD2	44	1	10		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

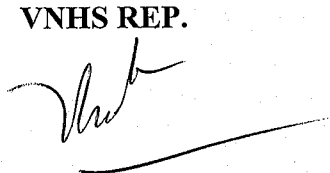
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX TD5-MRM
2	MRM	7	11	91	552	0	5		
3	TD2	13	13	93	998	112	17		
TOTAL		20	24	184	1.550	112	22		
WEIGHT KG				184	1.550	112			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

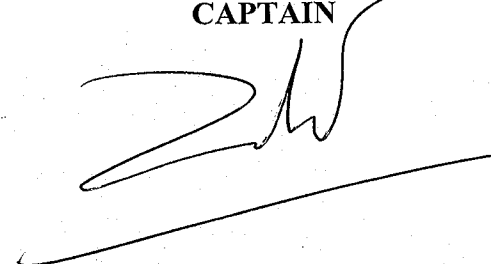
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/07/2023	TO: P9 - CLI - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIẾP PHI	P9					81	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG THUY	P9					68	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐÌNH THANH	P9	98	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẠU VĂN MINH	P9					78	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HẬU	P9	94	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÌNH ĐỨC TIẾN	P9	91	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TUẤN	P9	92	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUYNH	P9	87	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG NHẬT QUANG	P9	95	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ XUÂN TUYẾN	P9					60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN QUANG	P9	89	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	BUI NGỌC TÚ	P9	93	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN HOA	P9	88	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HỮU HÙNG	P9	90	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ NGỌC LUÂN	P9	86	1	11		68	KHOAN	Vietnamese
16	MAI TUẤN KIẾT	P9	97	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HUỆ	P9	96	1	12		56	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	CLI	99.800	2	15		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	17	13	89	1.174	0	17		
2	CLI	1	2	15	70	0	0		
3	RP3	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		18	15	104	1.244	0	22		
WEIGHT KG				104	1.244	0			

GRAND TOAL: 1.348 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: PVD1 - BK10	CREW: KHOÀN - Linh - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY SƠN	PVD1	62	1	7		70	PVDDD	Vietnamese
2	PHẠM THỂ LAM	PVD1	67	1	11		80	PVDO	Vietnamese
3	NGO SỸ THUẬN	PVD1	71	1	10		66	PVD DD	Vietnamese
4	THOMAS HOGG	PVD1	61	1	10		74	PVD DD	British
5	HOÀNG CÔNG THẮNG	PVD1	59	1	5		60	PVDO	Vietnamese
6	PHAN ĐỨC THIÊN	PVD1	57-58	2	13		62	PVDO	Vietnamese
7	ĐOÀI DUY DƯƠNG	PVD1	69	1	5		70	PVDO	Vietnamese
8	TÔ TRỊNH ĐỨC	PVD1	64	1	8		75	PVDO	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH DŨNG	PVD1	66	1	6		50	PVDO	Vietnamese
10	ĐÀO XUÂN KHIÊM	PVD1	54	1	5		48	PVDO	Vietnamese
11	ĐINH QUANG TRƯỞNG	PVD1	68	1	4		62	PVDO	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC QUY	PVD1	53	1	7		62	PVD DD	Vietnamese
13	HỒ THANH NHỰT	PVD1	75-76	2	8		77	PVD DD	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	PVD1	74	1	7		63	PVD DD	Vietnamese
15	NGUYỄN NINH	PVD1	55	1	8		64	FPT	Vietnamese
16	PHẠM MINH TUẤN	PVD1	56	1	5		63	FPT	Vietnamese
17	NGUYỄN TIỀN PHÚC	PVD1	60	1	9		76	PVDO	Vietnamese
18	NGUYỄN DOÀN BẢO TRUNG	PVD1	65	1	5		74	PVDO	Vietnamese
19	ĐO VĂN TIỀN	PVD1	72-73	2	10		48	PVDO	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	PVD1	70	1	4		75	PVDO	Vietnamese
21	VŨ VĂN TĂNG	PVD1	63	1	5		70	PVDO	Vietnamese
22	CAO ĐẶC DÂN	BK10	78-79	2	20	30	72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	21	24	152	1.389	0	21		
2	BK10	1	2	20	72	30	1		
TOTAL		22	26	172	1.461	30	22		
WEIGHT KG				172	1.461	30			

GRAND TOAL: 1.663 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/07/2023	TO: PVD1 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HỮU MẠNH	PVD1	02	1	8		73	PVDO	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TRUNG	PVD1	11	1	5		60	PVDO	Vietnamese
3	TRIỆU THANH ĐÔNG	PVD1	01	1	5		62	PVDO	Vietnamese
4	CHU VĂN TUỐC	PVD1	12	1	8		74	INTL.SOS	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THẮNG	PVD1	09-10	2	15		68	PVD INVE\$	Vietnamese
6	PHẠM VŨ TIẾN THANH	PVD1	07	1	3	15	84	PVD INVE\$	Vietnamese
7	TRẦN DANH CUÔNG	PVD1	06	1	10		61	PVD INVE\$	Vietnamese
8	VŨ MINH NAM	PVD1	05	1	11		88	PVD INVE\$	Vietnamese
9	NGO VĂN TẠO	PVD1	03	1	6		60	PVDO	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	PVD1	04	1	5		60	PVDO	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH PHÚC	CTK3	78	1	10		48	KH-THAC	Vietnamese
12	CU XUÂN HUY	CTK3	70	1	10	12	62	HVJOC	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ	CTK3	72-73	2	13		63	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HÀ	CTK3				23	58	XAYLAP	Vietnamese
15	PHI ĐỨC THỊNH	CTK3	74	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN THOÔNG	CTK3				18	57	XAYLAP	Vietnamese
17	KIEU HAI DƯƠNG	CTK3	85	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	CTK3				23	72	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG ĐĂNG	CTK3	77	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ CÔNG THỜI	CTK3				20	60	XAYLAP	Vietnamese
21	DANG THANH HOANG	CTK3	68	1	10		72	SANBAY	Vietnamese
22	LÊ THANH TÙNG	CTK3	71	1	8		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	10	11	76	690	15	0		
2	CTK3	12	9	90	764	96	22		+1NB VE GHE PHU
TOTAL		22	20	166	1.454	111	22		
WEIGHT KG				166	1.454	111			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	TO: RC10 - TD2 - RC3 - P2	CREW: XHOÀN - Linh - MQUÂN	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN VAN	TD2	60	1	8		75	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN VIET TOAN	TD2	59	1	9	20	97	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN VAN QUYEN	RC3	66-67	2	14		68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN DINH PHONG	RC3	80-81	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THUONG	RC3	68-69	2	18		69	XAYLAP	Vietnamese
6	LE NHAT TAM	RC3	82-83	2	13		66	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC THANH	RC3	70-71	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
8	VU VAN LOI	RC3	78-79	2	20	50	67	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG PHAM DAI	RC3	72-73	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN HANH	RC3	76-77	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN THIEN PHUC	RC3	64-65	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
12	VO HOANG HAI	RC3	74-75	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG DUONG	RC3	63	1	14		88	XAYLAP	Vietnamese
14	HA VAN TRUONG	P2	52	1	11		58	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN NGOC DUONG	P2	53	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC10	0	0	0	0	230	2		THAO 4 GHE CHO THUC PHAM RC10
2	TD2	2	2	17	172	20	3		
3	RC3	11	21	186	754	50	11		
4	P2	2	2	21	121	0	2		
TOTAL		15	25	224	1.047	300	18		
WEIGHT KG				224	1.047	300			

GRAND TOAL: 1.571 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/07/2023	TO: P10 - PVD1 - CNV	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: L Tuấn - M Minh - Huy	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRỌNG BAI	P10	94	1	14	85	69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐẠI KHOA	P10	95	1	14		69	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN TIẾP	P10	96-97	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ CHI CÔNG	P10	93	1	10	35	52	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BA SƠN	P10	81-82	2	14		63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P10	88-89	2	13		58	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÚ	P10	83-84	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CHIẾN	P10	85	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN LINH	P10	86-87	2	13		60	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VIỆT LY	P10	90	1	7		78	PSV	Vietnamese
11	PHẠM BA KHÁNH	P10	91-92	2	10		72	PSV	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC CÀNH	PVD1	22	1	10		73	PVDO	Vietnamese
13	BUI XUAN ĐIẾP	PVD1	13	1	8		65	PSV	Vietnamese
14	PHẠM CÔNG BĂNG	PVD1	15	1	5		50	PSV	Vietnamese
15	LÊ TẤT VINH	PVD1	16	1	5		75	PSV	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG PHONG	PVD1	17	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	ĐINH VĂN THƯƠNG	PVD1	14	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	TÀ KIM HAI	PVD1	18	1	7		80	PVD-LOGG	Vietnamese
19	LÊ NGUYỄN TRỌNG NGHI	PVD1	19	1	12		84	PVD-LOGG	Vietnamese
20	TRẦN VŨ HOÀI PHONG	PVD1	77-78	2	11		65	PVD-LOGG	Vietnamese
21	TRƯỜNG NHẬT QUANG	PVD1	20-21	2	18		80	PVD-LOGG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	11	17	138	722	120	2		
2	PVD1	10	12	86	697	0	12		
3	CNV	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	29	224	1.419	120	22		
WEIGHT KG				224	1.419	120			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RC5+BK3	7:25	22+0+0	0+0+0		15+1+5	0+0+0	
2		CLO+RP1+TD5	7:25	1+3+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
3		BK4+TD3+P5	9:25	3+19+0	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
4		TD5+BK15+TD3	9:25	6+2+14	0+0+0		2+1+19	0+0+0	
5		TD3+P11+BK5	11:30	13+9+0	0+0+0		7+13+1	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/07/2023	TO: CLO - RC5 - BK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - Toan	ETA: 09:20
XANH-1			

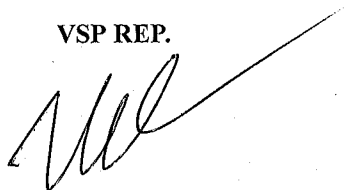
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN QUANG HIEN	CLO	98-99	2	7	50	64	KHOAN	Vietnamese
2	LE VIET HUNG	CLO	87	1	10	25	65	KHOAN	Vietnamese
3	ĐINH XUÂN PHU	CLO	95	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	CLO	88	1	3		60	YTE	Vietnamese
5	ĐẠNG DUY LY	CLO	96	1	2		66	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN BÌNH	CLO	92-93	2	7		62	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO TRƯỜNG GIANG	CLO	90	1	11		76	KHOAN	Vietnamese
8	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	84	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG TRUNG THÔNG	CLO	97	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN THỂ NHƯ	CLO	94	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
11	BUI XUÂN DUY	CLO	91	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG TIEN	CLO	200	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LUC	CLO	81	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TRẦN NAM	CLO	89	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
15	BUI QUANG TUYNH	CLO	85	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH SỸ TUÂN	CLO	79-80	2	13		78	KHOAN	Vietnamese
17	LAI CAO THANH	CLO	86	1	12		63	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	CLO	82	1	10	66	72	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG PHU	CLO	83	1	8		80	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN ANH TUAN	BK3	08	1	8	15	70	XAY LAP	Vietnamese
21	PHUNG VAN PHUONG	BK3	09	1	8		62	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

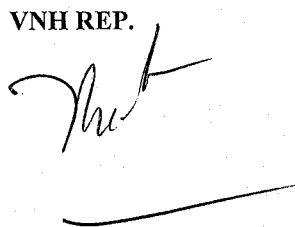
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	19	22	135	1.302	141	15		
2	RC5	0	0	0	0	0	1		
3	BK3	2	2	16	132	15	5		
TOTAL		21	24	151	1.434	156	21		
WEIGHT KG				151	1.434	156			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: CLO - RP1 - TD5	CREW: CHIẾN - NPhú - HIẾU	ETA: 09:25
CAM - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG SƠN	CLO	32	1	5		72	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HIEN	CLO	67	1	5		76	DVL	Vietnamese
3	DINH VIET DUNG	CLO	31	1	6	40	62	DVL	Vietnamese
4	HUYNH MINH SANG	RP1					82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH NAM	RP1	58	1	10	28	71	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ MINH TOÀN	RP1	59-60	2	15		107	KH-THAC	Vietnamese
7	CHUSH MAKSIM	TD5	53	1	7		102	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN XUÂN THẾ	TD5	61	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	54	1	10		87	KHOAN	Vietnamese
10	ĐÀO QUANG ĐỪNG	TD5	62-63	2	10		55	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	91	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	52	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
13	BUI XUÂN KHOA	TD5	57-58	2	15		59	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÀO THANH SƠN	TD5	300	1	7		54	KHOAN	Vietnamese
15	HÀ VĂN PHÚC	TD5	33	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	66	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	51	1	2		84	KHOAN	Vietnamese
18	TÀ NGỌC THANH	TD5	59-60	2	20	70	74	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGHI	TD5	55	1	13		68	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ THANH BÌNH	TD5	56	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	TD5	64-65	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ VĂN ANH	TD5					72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	3	16	210	40	0		
2	RP1	3	3	25	260	28	0		
3	TD5	16	19	127	1.124	70	22		
TOTAL		22	25	168	1.594	138	22		
WEIGHT KG				168	1.594	138			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: TD3 - P5	CREW: TTrung - VLinh - DTùng	ETA: 11:40
XANH-2			

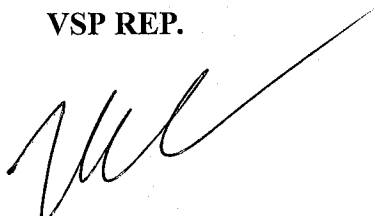
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH SUNG	TD3	79	1	7		70	SEAMAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THỰC TRINH	TD3	80-81	2	10	114	58	SEAMAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TUAN	TD3	74	1	7		69	VTB	Vietnamese
4	KOROTKOV VICTOR	TD3	64	1	10		119	KHOAN	Russian
5	GUSEINOV MAXIM	TD3	65	1	6		77	KHOAN	Russian
6	BUI HUU VUNG	TD3	67	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
7	LUU VAN SON	TD3	70	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ THANH HAI	TD3	68	1	7		97	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM TRƯỜNG ANH	TD3	71	1	4		90	KHOAN	Vietnamese
10	HỒ SĨ PHỤNG	TD3	69	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ TOÀN THẮNG	TD3	66	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ ANH XUAN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG HOA	TD3	75	1	8	20	70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN QUANG	TD3	77-78	2	15	20	82	KHOAN	Vietnamese
15	TẠ QUANG THANH	TD3	85-87	3	15		66	YTE	Vietnamese
16	LÊ THỊ CẨM THU	TD3	84	1	9		55	YTE	Vietnamese
17	BUI TRỌNG SƠN	TD3	73	1	7		66	CONG DO	Vietnamese
18	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG VŨ	TD3	82	1	7		67	D-HANH	Vietnamese
19	LÊ THỊ THUY	TD3	83	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN DUC HANH	TD3					108	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	22	149	1.515	154	17		
2	P5	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		20	22	149	1.515	154	22		
WEIGHT KG				149	1.515	154			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

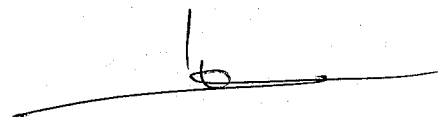
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/07/2023	TO: TD5 - BK15 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPhú - HIẾU	ETA: 11:45
CAM-2			

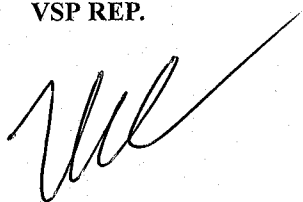
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN THANG	TD5	77	1	3		75	PSV	Vietnamese
2	ĐINH VĂN HOAI	TD5	76	1	3		62	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN LƯƠNG SƠN	TD5				16	74	PSV	Vietnamese
4	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	79	1	3	3	62	PSV	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH GIANG	TD5	80	1	5		68	PSV	Vietnamese
6	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	78	1	5	50	77	PSV	Vietnamese
7	NGO VAN THANH	TD5	73-74	2	15		70	PSV	Vietnamese
8	BUI HONG SANG	BK15	43	1	13	15	97	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	BK15	27	1	10	30	50	PSV	Vietnamese
10	TRAN MINH THANG	TD3	72	1	3		122	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH VĂN TÂM	TD3	87-88	2	19		63	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ THAI THANH	TD3	85-86	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN MINH TUẤN	TD3	89	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
14	KRAMARENKO V.V.	TD3	58	1	5		71	KH-THAC	Russian
15	LY BANG	TD3	76	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU MINH HUNG	TD3	77	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN SỸ LỰC	TD3	82-83	2	15	25	76	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU KHUYẾN	TD3	79-80	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT TOÀN	TD3	81	1	13		73	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ VĂN THANH	TD3	84	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	TD3	78	1	17		74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

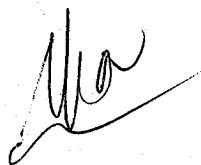
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	7	34	488	69	2		
2	BK15	2	2	23	147	45	1		
3	TD3	12	16	134	910	25	19		
TOTAL		21	25	191	1.545	139	22		
WEIGHT KG				191	1.545	139			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2023	TO: TD3 - P11 - BK5	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TTrung - VLinH - DTùng	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG SỸ AN	TD3	92-93	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ QUANG PHUỐC	TD3	97-98	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG VŨ	TD3	26-27	2	18		45	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HẠM CHUNG	TD3	28	1	7	15	75	XAYLAP	Vietnamese
5	HOÀNG ĐÌNH VINH	TD3	94	1	18		68	XAYLAP	Vietnamese
6	QUÁCH ĐẶC THÂN	TD3	96	1	3		52	PSV	Vietnamese
7	ĐO XUAN CHINH	TD3	29	1	8		66	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁNH CHÂN	TD3	99	1	3		58	PSV	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TUÔNG	TD3	95	1	5		82	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HẠNH	TD3	24	1	8		65	PSV	Vietnamese
11	LÊ QUANG HÀ	TD3	25	1	5		76	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG TÂM	TD3	33-34	2	15		66	PSV	Vietnamese
13	HOANG GIANG LAM	TD3					80	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HIEP	TD3	30-32	3	20		90	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ TRUNG KIEN	TD3	500	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P11	94	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO VĂN TRƯỞNG	P11	96-97	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese
18	LẠI ANH TUÂN	P11	95	1	15		99	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TRÍ	P11	93	1	10	90	70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÌNH NGỌC HUNG	P11	88	1	9		64	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ TRỌNG HUNG	P11	89-90	2	18		76	XAYLAP	Vietnamese
22	VŨ QUỐC KHAI	P11	91-92	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	15	20	161	1.023	15	8		
2	P11	7	10	94	517	90	12		
3	BK5	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	30	255	1.540	105	21		
WEIGHT KG				255	1.540	105			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTC1+TD2+RC5	7:25	2+20+0	0+0+0		1+16+5	0+0+0	
2		P8+P1	7:25	0+18	0+0		2+20	0+0	chuyen 2 p8- p1
3		P3+P4	7:25	4+18	0+0		1+21	0+0	
4		TD2+P1+P2	9:25	7+11+1	0+0+0		7+4+11	0+0+0	
5		P10+P3+AMD	9:25	8+12+2	0+0+0		4+14+4	0+0+0	
6		AMD+HST	9:25	15+4	0+0		17+5	0+0	
7		BK4+TD3	11:25	3+14	0+0		0+20	0+0	
8		P4+P5	11:25	8+14	0+0		6+16	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người TD2 về bờ đi p4



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	TO: CTC1 - TD2 - RC5	CREW: CHIẾN - ĐNam - DTùng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NAM THẮNG	CTC1	81	1	15	45	105	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TRUNG	CTC1	80	1	14	35	74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	10	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
5	HỒ VĂN HÙNG	TD2	06-07	2	15		74	KHOAN	Vietnamese
6	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD2	12	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	14-15	2	7		82	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	05	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
9	QUÁCH VĂN CỬ	TD2	04	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ HỮU HẬU	TD2				60	70	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HÙNG CUÔNG	TD2	03	1	11		101	KHOAN	Vietnamese
12	VÕ SĨ MINH TÂN	TD2	11	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN QUÂN	TD2	08	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM MINH TRỌNG	TD2	02	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ HỮU QUYẾT	TD2	200,13	2	16		74	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN HUYNH LÂM	TD2	09	1	16		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	TD2	19	1	15		83	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VINH KHA	TD2	21	1	15		76	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD2	18	1	8		57	DVL	Vietnamese
20	MAI HUY TỬ	TD2	01	1	9		60	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN TUẤN ANH	TD2	16-17	2	22		78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	2	2	29	179	80	2		
2	TD2	19	21	178	1.375	60	15		
3	RC5	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	23	207	1.554	140	22		
WEIGHT KG				207	1.554	140			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/07/2023	TO: P8 - P1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Nam - HTrung - QTrưởng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ XUÂN QUÝ	P1	89	1	14	20	105	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN LANH	P1	83	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN THĂNG	P1	85	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN THĂNG	P1	88	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC HAI	P1	91	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1					82	KH-THAC	Vietnamese
7	VỊ KHÁC THANH	P1	84	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯU VĂN TUẤN	P1	93	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH HẢI	P1	86	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN KÝ	P1	80-81	2	12		65	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH TRƯỞNG	P1	46	1	16		83	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	P1	90	1	8		87	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG DUY KHUÔNG	P1	92	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ HỮU CHUNG	P1	87	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHAN	P1	82	1	4		116	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC TOÀN H	P1	79	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HUY	P1	94	1	14	99	79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

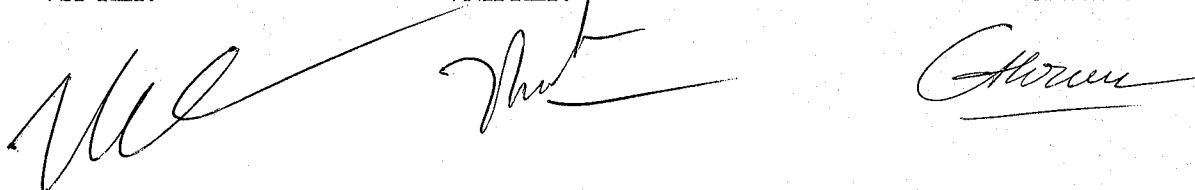
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	0	0	0	0	0	2+2		CHUYEN 2 PAX P8-P1
2	P1	18	17	124	1.346	119	20		
TOTAL		18	17	124	1.346	119	22		
WEIGHT KG				124	1.346	119			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/07/2023	TO: P3 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cương - PTUÂN	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P3	66-67	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN NHẬT TÂN	P3	68-69	2	15		79	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN DŨNG	P3	70-71	2	13		51	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN NAM HOÀNG	P3	58	1	10	20	56	CODIEN	Vietnamese
5	MARZIEV	P4	05	1	5	30	86	KH-THAC	Russian
6	PODYMOV	P4	09	1	6		145	KH-THAC	Russian
7	ĐO HỮU NAM	P4				25	65	KH-THAC	Vietnamese
8	HA VĂN NIN	P4	17-18	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU SỸ	P4	22-23	2	15		71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN ANH ĐỨC	P4	03	1	4		91	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN CÔNG TÍNH	P4	19-20	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG KHAC DU	P4	10	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN CHIẾN	P4	08	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	13	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	LAM VĂN PHÚC	P4	12	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ CHI BAO	P4	11	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	P4	21	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH HAI	P4	15	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	P4	14	1	13		66	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VĂN TOÀN	P4	02	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
21	LAM XUAN HAI	P4	16	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	04	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	4	7	46	249	20	1		
2	P4	18	20	107	1.313	55	21		
TOTAL		22	27	153	1.562	75	22		
WEIGHT KG				153	1.562	75			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

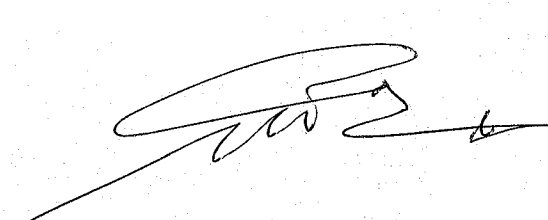
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: TD2 - P1 - P2	CREW: TTrung - N.ANH - Vũ	ETA: 11:40
xanh-2			

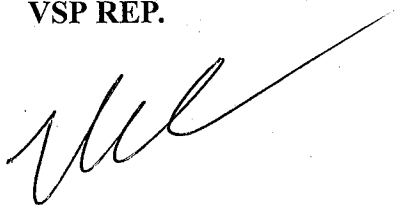
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ QUỐC TUÂN	TD2	13	1	13		81	XAYLAP	Vietnamese
2	VŨ QUANG DƯƠNG	TD2	17	1	16		66	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN DŨNG	TD2	12	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	TD2	19	1	19		67	XAYLAP	Vietnamese
5	THAI ĐỨC DŨNG	TD2	15	1	7		87	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM NHƯ SANG	TD2	14	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐO	TD2	16	1	7		66	PSV	Vietnamese
8	LÊ VĂN TỰ	P1	50	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1	58	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
10	CHÂU HÙNG HUY	P1	52-53	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	49	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MINH HIẾU	P1	51	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ QUANG TUYẾN	P1	48	1	6		94	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THE HUY	P1	57	1	14		83	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN HOANG AN	P1	54	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HỒNG LINH	P1	55	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P1	56	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN ĐO CHÂU TUÂN	P2	96-97,900	3	19	18	92	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

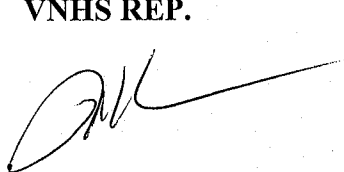
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	7	86	507	0	8		
2	P1	10	11	81	750	0	3		
3	P2	1	3	19	92	18	11		
TOTAL		18	21	186	1.349	18	22		
WEIGHT KG				186	1.349	18			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

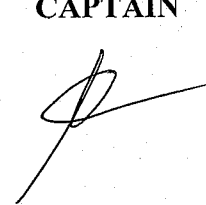
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/07/2023	TO: P10 - P3 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - DTùng	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAXIM IVANOV	P10	05	1	18		112	D-HANH	Russian
2	HOANG HUU HAO	P10	07-08	2	8		67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN MINH	P10	10-11	2	10		74	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐOÀN CÔNG LUẬN	P10	14	1	2	35	54	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN MANH	P10	12	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
6	MAI VAN TOAN	P10	13	1	4		58	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN TÂN	P10	09	1	6		80	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI TRỌNG HUY	P10	06	1	3		67	NIPi	Vietnamese
9	HOANG NGOC ANH CHIEN	P3	72	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
10	LAM TUAN KHAI	P3	78	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TRUONG	P3	71	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC VINH	P3	68	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
13	LE TAM THUY	P3	67	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	HO NGHIA TAI	P3	74	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
15	CHAU DINH TU	P3	66	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN CONG THANH	P3	73	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI THANH CAM	P3	69	1	6	10	70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH SONG HAI	P3	75-77	3	12		58	YTE	Vietnamese
19	NGUYEN HONG DUONG	P3	79	1	6		60	PSV	Vietnamese
20	PHẠM PHI LONG	P3	70	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	PHẠM TUAN HA	AMD	82	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	81	1	8	40	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

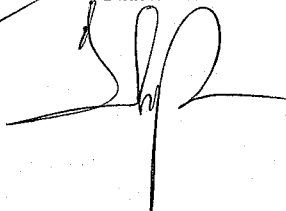
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	8	10	57	582	35	4		
2	P3	12	14	69	810	10	14		
3	AMD	2	2	15	143	40	4		
TOTAL		22	26	141	1.535	85	22		
WEIGHT KG				141	1.535	85			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: AMD - HST	CREW: HUNG - MTHAO - HIEU	ETA: 11:50
TRANG--2			

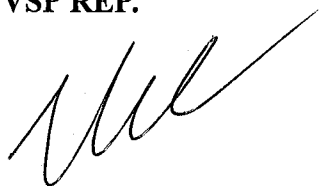
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	34	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM ANH NGŨ	AMD	03	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ BA THANH	AMD	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	04-05	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	31	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU HỮU CHÍNH	AMD	38	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	30	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	39	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	32	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	02	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HOANG	AMD	01,40	2	15		87	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC VIỆT	AMD	33	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VĂN GIANG	AMD	36	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG VIỆT	AMD	37	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
15	CÔNG ĐỨC MINH TRÍ	HST	08	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC THỦ	HST	11	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM TUẤN CHUNG	HST	10	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HST	09	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ CHÍ CUÔNG	HST	06-07	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	16	103	950	0	17		
2	HST	5	6	49	332	0	5		
TOTAL		19	22	152	1.282	0	22		
WEIGHT KG				152	1.282	0			

GRAND TOAL: 1.434 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: BK4 - TD3	CREW: TTrung - N.ANH - Vũ	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MINH ĐỨC	BK4	91-92	2	18	87	100	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM THAI SƠN	BK4	90	1	10	10	79	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DUY KHANH	BK4	93-94	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI THẾ DIỄN	TD3	08	1	10	55	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	TD3	01	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI VĂN SƠN	TD3	09	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN TIẾN HIỆP	TD3	12-13	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI CÔNG LAN	TD3					68	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC SƠN	TD3					74	KH-THAC	Vietnamese
10	TRỊNH VĂN PHƯƠNG	TD3					80	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI TRỌNG NGHĨA	TD3	06	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM ĐĂNG GIANG	TD3	05	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ HOÀI THANH	TD3	07	1	5		66	YTE	Vietnamese
14	LÊ QUANG ĐẠO	TD3	10-11	2	18		81	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO TUẤN CHỦ	TD3	03	1	5		69	PSV	Vietnamese
16	LÊ VĂN QUYỀN	TD3	04	1	5		55	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LOAN	TD3	02	1	5		49	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	3	5	45	259	97	0		
2	TD3	14	13	80	944	55	20		
TOTAL		17	18	125	1.203	152	20		
WEIGHT KG				125	1.203	152			

GRAND TOAL: 1.480 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/07/2023	TO: P4 - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - PTUẤN	ETA: 14:05
CAM-3			

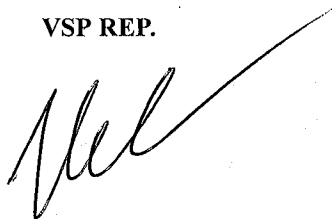
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HUNG BAY	P4	800	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HUU THANH	P4					68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH NAM	P4	97	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG KHANH	P4	07	1	8		81	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU LUÂN	P4	02-03	2	10		72	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG BA DIEU	P4	98-99	2	5		55	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG HA	P4	04-05	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CAO	P4	01	1	12	20	65	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	39	1	6	60	80	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO ĐÌNH HUY	P5	38	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔNG XUÂN SINH	P5	40	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUÂN MINH	P5	33	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	37	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	36	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯƠNG VĂN THANH	P5	29	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	30-31	2	8		69	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CAO MẠNH	P5	42	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	P5	35	1	5		65	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	34	1	3		77	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ KHẮC ĐÀ	P5	32	1	5		66	PSV	Vietnamese
21	ĐÀO XUÂN THANH	P5	41	1	5		66	PSV	Vietnamese
22	LƯƠNG TRỌNG DƯƠNG	P5	28	1	7		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

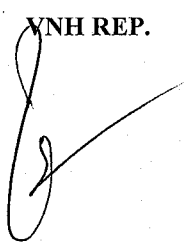
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	10	58	556	20	6		
2	P5	14	15	74	981	60	16		
TOTAL		22	25	132	1.537	80	22		
WEIGHT KG				132	1.537	80			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+TD5+TD3	7:25	2+17+3	0+0+0		1+15+6	0+0+0	
2		TD5+TD3+PVD1	9:25	6+9+1	0+0+0		0+19+3	0+0+0	3 người TD5 lưu

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/07/2023	TO: CLO - TD5 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - Linh - THU	ETA: 09:20
cam-1			

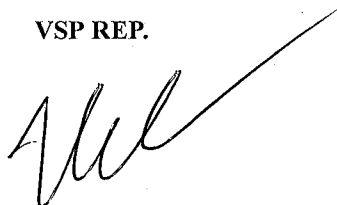
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH THÁI	CLO	98	1	15	25	105	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THAI QUYNH	CLO	200	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
3	VÔ NGUYỄN KHANG	TD5	95	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	94	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	800	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	96	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANH VU	TD5	88	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	93	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ HUY TIÊN HAI	TD5	89	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	87	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD5	97	1	6		52	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN NGUYỄN	TD5	84	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH CHÍ CÔNG	TD5	85	1	13		66	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH TIÊN	TD5	92	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
15	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD5	07-08	2	11	50	83	KHOAN	Vietnamese
16	TẠ HOÀI TRANG	TD5	86	1	10	6	78	ANTOAN	Vietnamese
17	CHU ĐÌNH THANH	TD5				22	52	DVL	Vietnamese
18	KOSHELEV PAVEL	TD3	17	1	6		88	KHOAN	Russian
19	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	18	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD3	19	1	3		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

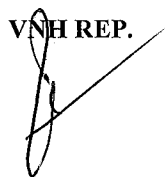
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	2	2	25	183	25	1		
2	TD5	15	15	99	1.074	78	15		
3	TD3	3	3	15	224	0	6		
TOTAL		20	20	139	1.481	103	22		
WEIGHT KG				139	1.481	103			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

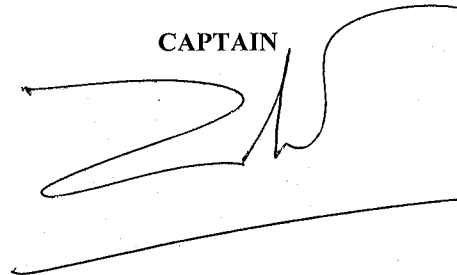
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/07/2023	TO: TD5 - TD3 - PVD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - Linh - THU	ETA: 11:40
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ANH HIEU	TD5				23	56	SCHLUMBE	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DOAN	TD5	09-10	2	15		61	SCHLUMBE	Vietnamese
3	NGUYEN THANH PHU	TD5				20	88	SCHLUMBE	Vietnamese
4	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN ĐỨC THANH	TD3					74	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ SỸ HUNG	TD3	24	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
7	BUI VAN NGHIA	TD3	25	1	10		79	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN SON HAI	TD3	26	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
9	DƯƠNG HOÀNG LONG	TD3	21	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VIET THANG	TD3	23	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MANH	TD3	20	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
12	VAN TUAN DUNG	TD3	22	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TIEN	PVD1	01	1	8		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	3	2	15	205	43	0		
2	TD3	9	7	36	659	0	19		
3	PVD1	1	1	8	72	0	3		
TOTAL		13	10	59	936	43	22		
WEIGHT KG				59	936	43			

GRAND TOAL: 1.038 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P4+CU	7:25	17+1+4	0+0+0		14+1+7	0+0+0	
2		TD1+BK6+BK9	9:25	17+0+0	0+0+0		8+2+12	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2023	TO: TD1 - P4 - CLI	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ THANH TÙNG	TD1	72	1	8		61	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VAN QUYEN	TD1	90	1	12		65	YTE	Vietnamese
3	LÊ QUỐC BAO	TD1	88	1	3		64	ПБИКРС	Vietnamese
4	ĐÌNH XUÂN HOA	TD1	74	1	4		60	ПБИКРС	Vietnamese
5	HOANG ANH TUAN	TD1	78-79	2	21		75	ПБИКРС	Vietnamese
6	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1	83-84	2	15	45	70	ПБИКРС	Vietnamese
7	PHẠM CÔNG TIEN	TD1	87	1	8		67	ПБИКРС	Vietnamese
8	MAI VĂN HỘI	TD1	77	1	8		70	ПБИКРС	Vietnamese
9	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	82	1	6		55	ПБИКРС	Vietnamese
10	MAI XUÂN TÙNG	TD1	80-81	2	10		75	ПБИКРС	Vietnamese
11	VŨ MẠNH HAI	TD1	73	1	10		80	ПБИКРС	Vietnamese
12	NGUYỄN THIỆN TUÂN	TD1	86	1	4		65	ПБИКРС	Vietnamese
13	VŨ TU NAM	TD1	75-76	2	10		75	ПБИКРС	Vietnamese
14	PHẠM ĐÔI	TD1	91-92	2	12		70	ПБИКРС	Vietnamese
15	NGUYỄN TUÂN ĐẠT	TD1	85	1	4		77	ПБИКРС	Vietnamese
16	ĐO MINH DŨNG	TD1	89	1	13		65	ПБИКРС	Vietnamese
17	TRAN VAN NAM	P4	08	1	6		77	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT BĂNG	P4	09-10	2	20		68	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN DÂN	CLI	05-06	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ MINH TIEN	CLI	03-04	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH TIEN	CLI	02,4000	2	13		77	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN DUY CHUNG	CLI	07	1	8		69	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	16	21	148	1.094	45	13		
2	P4	2	3	26	145	0	2		
3	CLI	4	7	51	280	0	7		
TOTAL		22	31	225	1.519	45	22		
WEIGHT KG				225	1.519	45			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	TO: TD1 - BK6 - BK9	CREW: CHIẾN - N.ANH - MQUÂN	ETA: 11:40
DO - 2			

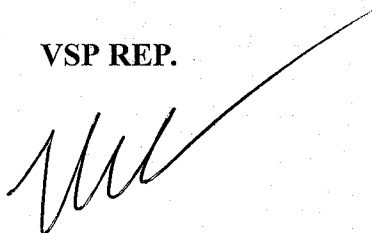
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THANH TUẤT	TD1					58	ПБИКРС	Vietnamese
2	TRÌNH HUY TOÀN	TD1	93-94	2	9		62	ПБИКРС	Vietnamese
3	HOANG NGOC SON	TD1	99	1	7		58	ПБИКРС	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	90	1	3		68	ПБИКРС	Vietnamese
5	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	88-89	2	18		60	ПБИКРС	Vietnamese
6	HỒ VĂN HẬU	TD1	86	1	6		65	ПБИКРС	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	97-98	2	8		79	ПБИКРС	Vietnamese
8	HOANG TUÂN ANH	TD1	92	1	8		76	ПБИКРС	Vietnamese
9	DƯƠNG MINH ĐỨC	TD1	91	1	7		70	ПБИКРС	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG THỰC	TD1	78	1	7		68	ПБИКРС	Vietnamese
11	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1	84-85	2	16		83	ПБИКРС	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TIỀN	TD1	83	1	3		59	PSV	Vietnamese
13	ĐẠU ĐỨC HÙNG	TD1	96	1	6		71	PSV	Vietnamese
14	ĐẠU VIỆT BẮC	TD1	87	1	3		78	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LINH	TD1	79	1	5		72	PSV	Vietnamese
16	TRẦN ĐÌNH ĐỊNH	TD1	95	1	5		73	PSV	Vietnamese
17	TRẦN HOANG HẢI	TD1	80	1	10		65	PSV	Vietnamese
18	STESHIN VALERIY	TD1	81-82	2	20		165	ПБИКРС	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	22	141	1.330	0	8		
2	BK6	0	0	0	0	0	2		
3	BK9	0	0	0	0	15	12		
TOTAL		18	22	141	1.330	15	22		
WEIGHT KG				141	1.330	15			

GRAND TOAL: 1.486 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

